BỘ Y TẾ

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34/2013/TT-BYT

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2013

THÔNG TƯ
Ban hành danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư ban hành Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày.

Điều 1. Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày

1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày.

2. Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày là cơ sở xác định thời gian hưởng chế độ ốm đau cho người lao động quy định tại Khoản 2 Điều 23 Luật Bảo hiểm xã hội.

3. Các bệnh trong Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày được gán mã bệnh theo Phân loại quốc tế bệnh tật (ICD-10) có mã bệnh 3 và 4 ký tự. Các mã bệnh 3 ký tự bao gồm các bệnh có mã bệnh 4 ký tự. Một số bệnh chưa được gán mã bệnh theo phân loại quốc tế bệnh tật (ICD-10) thì thống nhất xác định chẩn đoán theo tên gọi của bệnh.

Ví dụ:

a) Gan hóa sợi và xơ gan có mã bệnh là K74, bao gồm:

- Gan hóa sợi, mã bệnh: K74.0

- Gan hóa xơ, mã bệnh: K74.1

- Gan hóa sợi với gan hóa xơ, mã bệnh: K74.2

- Xơ gan mật nguyên phát, mã bệnh: K74.3

- Xơ gan mật thứ phát, mã bệnh: K74.4

- Xơ gan mật không xác định, mã bệnh: K74.5

- Xơ gan khác và không xác định, mã bệnh: K74.6

b) Điếc tiến triển: Không có mã bệnh nên thống nhất xác định chẩn đoán theo tên gọi của bệnh là điếc tiến triển.

Điều 2. Điều khoản tham chiếu

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Thông tư này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo văn bản thay thế hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung đó.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2013.

2. Bãi bỏ 11 bệnh cần chữa dài ngày quy định tại Khoản 1 Mục I của Thông tư liên bộ số 33/TT-LB ngày 25 tháng 6 năm 1987 của Bộ Y tế, Tổng Công đoàn Việt Nam quy định về thời gian nghỉ việc được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội thay lương đối với cán bộ, công nhân viên chức mắc các bệnh cần chữa dài ngày.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan chỉ đạo, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2. Giám đốc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng Y tế các Bộ, ngành có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Thủ trưởng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc chẩn đoán xác định đúng bệnh theo danh mục quy định tại Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận chẩn đoán xác định.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các địa phương, đơn vị phản ánh kịp thời về Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Bộ Y tế để hướng dẫn và giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Xuyên

DANH MỤC BỆNH CẦN CHỮA TRỊ DÀI NGÀY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2013/TT-BYT ngày 28 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	Danh mục bệnh theo các chuyên khoa	Mã bệnh theo ICD 10
I	**Bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng**	
1	Bệnh lao các loại trong giai đoạn điều trị và di chứng	A15 đến A19
2	Di chứng do lao xương và khớp	B90.2
3	Bệnh phong (bệnh Hansen) và di chứng	A30, B92
4	Viêm gan vi rút B mạn tính	B18.1
5	Viêm gan vi rút C mạn tính	B18.2
6	Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS)	B20 đến B24, Z21
7	Di chứng viêm não, màng não do vi khuẩn, virus, ký sinh trùng	B94.1, B94.8, B94.9
8	Viêm màng não do nấm (candida, cryptococcus)	B37.5, B45.1
II	**Bướu tân sinh**	
9	Bệnh ung thư các loại	C00 đến C97; D00 đến D09
10	U xương lành tính có tiêu hủy xương	D16
11	U không tiên lượng được tiến triển và tính chất	D37 đến D48
III	**Bệnh của máu, cơ quan tạo máu và các rối loạn liên quan đến cơ chế miễn dịch**	
12	Bệnh tăng hồng cầu vô căn	D45
13	Hội chứng loạn sản tủy xương	D46
14	Xơ hóa tủy	D47.1
15	Bệnh Thalassemia	D56
16	Các thiếu máu tan máu di truyền	D58
17	Thiếu máu tan huyết tự miễn dịch	D59.1
18	Đái huyết sắc tố kịch phát ban đêm (Hội chứng Marchiafava)	D59.5
19	Suy tủy xương	D61.9

TT	Danh mục bệnh theo các chuyên khoa	Mã bệnh theo ICD 10
20	Thiếu yếu tố VIII di truyền (Hemophilia A)	D66
21	Thiếu yếu tố IX di truyền (Hemophilia B)	D67
22	Bệnh Von Willebrand	D68.0
23	Rối loạn chức năng tiểu cầu	D69.1
24	Ban xuất huyết giảm tiểu cầu không rõ nguyên nhân (Hội chứng Evans)	D69.3
25	Tăng tiểu cầu tiên phát	D75.2
26	Hội chứng thực bào máu liên quan đến nhiễm trùng	D76.2
27	Tăng Gammaglobulin máu không đặc hiệu	D89.2
IV	**Bệnh nội tiết, dinh dưỡng và chuyển hóa**	
28	Suy tuyến giáp	E03
29	U tuyến giáp lành tính	E04
30	Cường chức năng tuyến giáp (Basedow)	E05
31	Viêm tuyến giáp bán cấp Quervain và viêm tuyến giáp mạn tính	E06.1
32	Đái tháo đường type 1, type 2	E10 đến E14
33	Cường tuyến yên	E22
34	Suy tuyến yên và các rối loạn khác của tuyến yên	E23
35	Bệnh Cushing	E24.0
36	Suy tuyến thượng thận	E27.4
37	Suy tuyến cận giáp	E20
38	Cường cận giáp và các rối loạn khác của tuyến cận giáp	E21
39	Bệnh Wilson	E83.0
40	Suy giáp sau điều trị	E89.0
V	**Bệnh tâm thần**	
41	Sa sút trí tuệ trong bệnh Alzheimer	F00
42	Sa sút trí tuệ trong bệnh mạch máu	F01
43	Sa sút trí tuệ trong các bệnh lý khác được xếp loại ở chỗ khác	F02
44	Sa sút trí tuệ không biệt định	F03

TT	Danh mục bệnh theo các chuyên khoa	Mã bệnh theo ICD 10
45	Rối loạn tâm thần do tổn thương, rối loạn chức năng não và bệnh lý cơ thể	F06
46	Rối loạn tâm thần do rượu	F10
47	Các rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng các chất có thuốc phiện	F11
48	Các rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng cần sa	F12
49	Các rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng các chất gây ảo giác	F16
50	Tâm thần phân liệt	F20
51	Rối loạn loại phân liệt	F21
52	Rối loạn hoang tưởng dai dẳng	F22
53	Rối loạn phân liệt cảm xúc	F25
54	Rối loạn cảm xúc lưỡng cực	F31
55	Trầm cảm	F32
56	Rối loạn trầm cảm tái diễn	F33
57	Các trạng thái rối loạn khí sắc	F34
58	Các rối loạn lo âu ám ảnh sợ hãi	F40
59	Các rối loạn lo âu khác	F41
60	Rối loạn ám ảnh cưỡng chế	F42
61	Các rối loạn dạng cơ thể	F45
62	Rối loạn nhân cách và hành vi ở người thành niên	F60 đến F69
63	Chậm phát triển tâm thần	F70 đến F79
64	Các rối loạn về phát triển tâm lý	F80 đến F89
65	Các rối loạn hành vi và cảm xúc thường khởi phát ở tuổi trẻ em và thanh thiếu niên	F90 đến F98
VI	**Bệnh hệ thần kinh**	
66	Bệnh xơ cứng cột bên teo cơ (bệnh teo hệ thống ảnh hưởng chủ yếu tới hệ thần kinh trung ương trong bệnh phân loại nơi khác)	G13
67	Bệnh Parkinson	G20
68	Hội chứng Parkinson thứ phát	G21